TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HS - ST
Ngày 20-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Trung
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Văn Thiên
2. Bà Đinh Thị Tuyết Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Niên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 11- Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2026/TLST-HS, ngày 22 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

1. **Trần Ngọc T** *(Tên gọi khác: Không)*, sinh ngày: 08/11/1985, tại xã H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi thường trú: thôn H, xã C, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai *(không đăng ký tạm trú)*; CCCD số: 0420.8500.1031; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Trần Bình H và bà Lê Thị T1; gia đình có 03 anh, chị, em. Bị cáo là con út trong gia đình; có vợ: Triệu Thị L *(đã ly hôn)* và 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 02/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai *(nay là Tòa án nhân dân khu vực 11- Gia Lai)* xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày 02/10/2019 về tội *"Trộm cắp tài sản"* tại Bản án số 24/2019/HS-ST ngày 02/10/2019. Ngày 04/9/2020 chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2026 cho đến nay *(Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh G)*. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Văn Minh T2, sinh ngày 23/10/1967

Địa chỉ: Thôn I, xã C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 01/4/2026, Trần Ngọc T có uống rượu cùng với ông Văn Minh T2, sau khi uống rượu xong thì T bị đau bụng và nôn mửa. Vì nghĩ ông T2 cho T uống rượu giả nên vào khoảng 22 giờ ngày 03/4/2026, T cầm theo 01 con dao bằng kim loại *(loại dao gấp)* tổng chiều dài 13,8cm; phần cán dao dài 8,1cm; phần lưỡi dao dài 5,7cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 1,6cm đi bộ từ nhà T đến nhà ông T2 ở thôn I, xã C, tỉnh Gia Lai *(nhà T và nhà ông T2 đối diện nhau)* để tìm đánh ông T2. Khi đến nhà ông T2, thấy ông T2 đang ngồi trên nệm trong phòng khách thì T cầm dao bằng tay phải giơ về phía cổ ông T2, ông T2 nói "Mày làm gì á T" thì T nói "Ông đầu độc tôi", ông T2 dùng tay trái gạt tay phải cầm dao của T ra thì T cầm dao bằng tay phải đâm nhiều nhát trúng vào khu vực chân trái của ông T2 rồi T bỏ chạy. Ông T2 nhặt 01 cây gậy dài khoảng 01m, đường kính khoảng 02cm đuổi theo T nhưng chưa đánh trúng T.

Hậu quả: Ông Văn Minh T2 bị 05 vết thương ở chân trái được đưa đi điều trị tại Bệnh viện Đ, đến ngày 06/4/2026 thì ra viện.

Sau sự việc xảy ra, ông Văn Minh T2 đã trình báo sự việc đến Cơ quan Công an để xử lý theo quy định. Ngày 04/4/2026, Trần Ngọc T đã đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận hành vi của mình, đồng thời giao nộp con dao nêu trên cho Cơ quan Công an để xử lý theo quy định.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 147B/KLTTCT-PYGL ngày 10/4/2026 của Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận thương tích của ông Văn Minh T2 như sau:

1. Các kết quả chính:

- 01 vết thương phần mềm mặt ngoài 1/3 giữa đùi trái: 1%.
- 01 vết thương phần mềm bờ ngoài sau khoeo chân trái: 1%.
- 01 vết thương phần mềm mặt ngoài dưới xương bánh chè gối trái: 1%.
- 01 vết thương phần mềm nằm ngang mặt trước 1/3 trên cẳng chân trái: 1%.
- 01 vết thương phần mềm nằm dọc mặt ngoài 1/3 trên cẳng chân trái: 1%.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Văn Minh T2 tại thời điểm giám định là: 5%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.
- Với tình trạng thương tích của Văn Minh T2 nếu không cấp cứu kịp thời có ảnh hưởng đến tính mạng không: Không có cơ sở để trả lời.

Tại Kết luận giám định vật gây thương tích số 148B/KLTTCT-PYGL ngày 10/4/2026 của Trung tâm pháp y tỉnh G kết luận cơ chế hình thành thương tích và và vật gây thương tích đối với thương tích của ông Văn Minh T2 như sau:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả nghiên cứu mẫu vật: 01 con dao bằng kim loại (loại dao gấp) tổng chiều dài 13,8cm. Phần lưỡi dài 5,7cm, bản dao rộng nhất 1,6cm, một cạnh sắc, mũi nhọn. Phần cán dài 8,1cm. Trọng lượng 31 gram.
- Kết quả đối chiếu mẫu vật với thương tích:

+ 01 vết thương phần mềm mặt ngoài 1/3 giữa đùi trái.
+ 01 vết thương phần mềm bờ ngoài sau khoeo chân trái.
+ 01 vết thương phần mềm mặt ngoài dưới xương bánh chè gối trái.
+ 01 vết thương phần mềm nằm ngang mặt trước 1/3 trên cẳng chân trái.
+ 01 vết thương phần mềm nằm dọc mặt ngoài 1/3 trên cẳng chân trái.

2. Kết luận:

- Cơ chế hình thành thương tích: Do sự tác động trực tiếp của ngoại lực.

- Vật gây thương tích: Phù hợp với sự tác động của vật có cạnh sắc mũi nhọn. Do vậy, 01 con dao được Cơ quan trưng cầu cung cấp là vật phù hợp có thể gây ra thương tích nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 768/KL-KTHS ngày 13/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận đối với con dao thu giữ, gửi giám định như sau:

- Con dao gửi giám định nêu trên không phải là vũ khí; không thuộc danh mục nào trong Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Trường hợp con dao trên do đối tượng sử dụng để gây thương tích cho nạn nhân thì không phải là vũ khí quân dụng.

Tại Kết luận giám định số 775/KL-KTHS ngày 13/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận dấu vết sinh học đối với mẫu vật thu giữ, gửi giám định như sau:

- Trên con dao bằng kim loại dài 13,8cm, phần lưỡi dao dài 5,7cm, mũi nhọn, phần rộng nhất 1,6cm, phần cán dao dài 8,1cm (Mẫu ký hiệu A1) trong phong bì giấy niêm phong gửi giám định: có máu người, do lượng mẫu ít nên không xác định được nhóm máu hệ ABO.

- Chất màu nâu nghi máu (dạng bột) (Mẫu ký hiệu A2) trong túi nilon trong phong bì giấy niêm phong gửi giám định: là máu người, nhóm máu O.

- Mẫu máu trong ống nghiệm bằng nhựa ghi thu máu Văn Minh T2: Nhóm máu O.

Ngày 13/4/2026, ông Văn Minh T2 đã có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc trên để xử lý theo quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Văn Minh T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 con dao bằng kim loại (loại dao gấp) tổng chiều dài 13,8cm; phần cán dao dài 8,1cm; phần lưỡi dao dài 5,7cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 1,6cm sau giám định *(đã được niêm phong theo quy định)* là vật chứng của vụ án nên yêu cầu Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G chuyển đến Phòng THADS khu vực 11, tỉnh Gia Lai để quản lý và xử lý theo vụ án.

- Đối với chất màu nâu nghi máu (dạng bột) ghi thu tại hiện trường sau giám định *(đã được niêm phong theo quy định)* là vật chứng có liên quan đến vụ án nên

yêu cầu Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G chuyển đến Phòng THADS khu vực 11, tỉnh Gia Lai để quản lý và xử lý theo vụ án.

- Đối với 01 cây gậy dài khoảng 01m, đường kính khoảng 02cm mà ông Văn Minh T2 sử dụng để đuổi theo T nhưng chưa đánh trúng T, quá trình điều tra xác minh truy tìm, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G không thu giữ được cây gậy nêu trên nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Sau sự việc xảy ra, ông Văn Minh T2 yêu cầu Trần Ngọc T bồi thường tiền thuốc men, chi phí điều trị, chi phí đi lại, tiền ăn uống, tiền bồi dưỡng sức khoẻ với tổng số tiền là 12.932.406 đồng. Hiện bị cáo Trần Ngọc T chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 22 tháng 6 năm 2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Gia Lai giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng a, i khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T với mức án từ 12 *(mười hai)* đến 18 *(mười tám)* tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Căn căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: Đối với 01 con dao bằng kim loại (loại dao gấp) tổng chiều dài 13,8cm; phần cán dao dài 8,1cm; phần lưỡi dao dài 5,7cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 1,6cm sau giám định (đã được niêm phong theo quy định) và chất màu nâu nghi máu (dạng bột) ghi thu tại hiện trường sau giám định *(đã được niêm phong theo quy định)*.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại Văn Minh T2 số tiền 12.932.406 đồng theo yêu cầu của người bị hại.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những

người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 03/4/2026, tại thôn I, xã C, tỉnh Gia Lai, Trần Ngọc T đã có hành vi sử dụng 01 con dao bằng kim loại *(loại dao gấp)* có tổng chiều dài 13,8cm; phần cán dao dài 8,1cm; phần lưỡi dao dài 5,7cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 1,6cm đâm nhiều nhát vào khu vực chân trái của ông Văn Minh T2 gây thương tích cho ông T2 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 5%. Mặc dù tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Văn Minh T2 dưới 11%, nhưng khi thực hiện hành vi, Trần Ngọc T đã sử dụng con dao có lưỡi bằng kim loại, có cạnh sắc, mũi nhọn là hung khí nguy hiểm đâm gây thương tích cho ông T2. Mặt khác, xét chỉ vì mâu thuẫn nhỏ, cho rằng ông T2 cho mình uống rượu giả mà Trần Ngọc T đã trực tiếp sử dụng dao thực hiện hành vi gây thương tích cho ông Văn Minh T2, thể hiện sự coi thường pháp luật, thực hiện hành vi có tính chất côn đồ. Ngày 13/4/2026, ông Văn Minh T2 đã có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử, ông T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Hành vi của Trần Ngọc T đã có đủ yếu tố cấu thành tội "*Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Gia Lai đã truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi nêu trên của bị cáo Trần Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo ý thức được rằng xâm phạm đến sức khỏe người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 02/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai *(nay là Tòa án nhân dân khu vực 11- Gia Lai)* xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày 02/10/2019 về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 24/2019/HS-ST ngày 02/10/2019. Ngày 04/9/2020 chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để để tu dưỡng, rèn luyện để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Tuy nhiên, trong vụ án này, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thể hiện qua việc đồng ý bồi thường cho người bị hại Văn Minh T2 số tiền 12.932.406 đồng theo yêu

cầu của người bị hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình quyết định hình phạt.

Xét tính chất, mức độ của tội phạm và yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương cần thiết phải xử phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Đối với việc Trần Ngọc T sử dụng 01 con dao bằng kim *loại (loại dao gấp)* tổng chiều dài 13,8cm; phần cán dao dài 8,1cm; phần lưỡi dao dài 5,7cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 1,6cm đâm gây thương tích cho ông Văn Minh T2, tại Kết luận giám định số 768/KL-KTHS ngày 13/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận: "Con dao gửi giám định nêu trên không phải là vũ khí; không thuộc danh mục nào trong Thông tư 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Trường hợp con dao trên do đối tượng sử dụng để gây thương tích cho nạn nhân thì không phải là vũ khí quân dụng". Do đó, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G không đề cập xử lý đối với Trần Ngọc T về tội "Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự" quy định tại Điều 304 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với việc ông Văn Minh T2 sau khi bị Trần Ngọc T dùng dao đâm, ông T2 nhặt 01 cây gậy dài khoảng 01m, đường kính khoảng 02cm đuổi theo T nhưng chưa đánh trúng T. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G không đề cập xử lý đối với ông Văn Minh T2 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người bị hại ông Văn Minh T2 yêu cầu bị cáo phải bồi tổng số tiền 12.932.406 đồng. Bao gồm tiền viện phí, thuốc men, chi phí đi lại, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường cho người bị hại Văn Minh T2 số tiền 12.932.406 đồng theo yêu cầu của người bị hại.

Xét thấy, việc bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại số tiền 12.932.406 đồng nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 con dao bằng kim loại (loại dao gấp) tổng chiều dài 13,8cm; phần cán dao dài 8,1cm; phần lưỡi dao dài 5,7cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 1,6cm sau giám định *(đã được niêm phong theo quy định)* và chất màu nâu nghi máu (dạng bột) ghi thu tại hiện trường sau giám định *(đã được niêm phong theo quy định)* là vật chứng của vụ án hiện không còn giá trị sử dụng nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu huỷ.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí đối với nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

[9] Đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Gia Lai tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật và có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

- Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134 điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T **18** *(Mười tám)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 05/4/2026.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự;
- Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho người bị hại Văn Minh T2 số tiền 12.932.406 đồng *(mười hai triệu chín trăm ba mươi hai ngàn bốn trăm linh sáu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy đối với 01 con dao bằng kim loại (loại dao gấp) tổng chiều dài 13,8cm; phần cán dao dài 8,1cm; phần lưỡi dao dài 5,7cm, một cạnh sắc, mũi nhọn, phần rộng nhất của lưỡi dao là 1,6cm sau giám định (đã được niêm phong theo quy định) và chất màu nâu nghi máu (dạng bột) ghi thu tại hiện trường sau giám định (đã được niêm phong theo quy định).

Đặc điểm nhận dạng như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 24/6/2026, giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh G và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, tỉnh Gia Lai.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 646.620 đồng *(sáu trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ bồi thường thiệt hại để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025..

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- người có QLNVLQ;
- VKSND khu vực 11 – Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THSDS khu vực 11 – Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Lưu HS.\

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Trung